

Bản án số: 81/2024/HS-PT.
Ngày: 20/8/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2024, tại Nhà Văn hóa xã H (Địa chỉ: Ấp N, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng), xét xử phúc thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự thụ lý số 77/2024/TLPT-HS ngày 04/7/2024 đối với bị cáo Khuru Thị N do có kháng cáo của bị cáo Khuru Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị cáo có kháng cáo:** Khuru Thị N; Sinh ngày: 01/9/1991; Nơi sinh: Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Khuru L và bà Thạch Thị C; Có chồng là ông Mai Sài U, sinh năm 1992 và có 02 người con, người con lớn sinh năm 2011, người con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2024 đến nay. (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo Khuru Thị N:** Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Phong V - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S; Địa chỉ Trung tâm: Số A, đường H, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- **Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:** Bị hại Ong Thị Mỹ N1; Người làm chứng Thạch Thị C, Lâm Thị Ngọc L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 18 giờ ngày 18/9/2023, con gái của Khuru Thị N là Mai Thị Anh T (sinh năm 2017) cùng bạn nô đùa ở sân trước nhà của Ong Thị Mỹ N1 (sinh ngày 05/4/2008) thuộc ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Do giữa gia đình của N và N1 không thuận nhau nên N kêu con về và nói nếu không một hồi bị người ta đánh thì N1 cho rằng N nói N1 đánh con của N nên xảy ra cự cãi với nhau. Cự cãi một lúc thì N1 lấy cái ghế nhựa để đánh N nên N dùng tay đỡ đồng thời giật cái ghế làm cái ghế bị rơi xuống đất. Sau đó, N và N1 lôi kéo, đánh nhau qua lại nhau bằng tay ở trước sân nhà của N1. Lúc này, bà Thạch Thị C (là mẹ ruột của Khuru Thị N) đến can ngăn nên N1 và N không đánh nhau nữa, N1 quay người định đi vào nhà thì N nhặt cục xi măng dẹp đường kính 06 cm có phần nhô lên (phần nhô lên 04 cm) rồi ném về phía N1 trúng vào đỉnh phải của N1 làm N1 bị thương tích. Sau đó, N1 được người thân đưa đi điều trị thương tích đến ngày 25/9/2023 thì xuất viện. Ông Phạm Văn T1 là cha ruột của N1 có đơn yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Khuru Thị N.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 467/KLTTCT-TTPYST ngày 08/11/2023 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh S kết luận: Tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe của Ong Thị Mỹ N1 do thương tích gây nên hiện tại là 01%. Thương tích do vật tày gây nên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: Điểm a, c khoản 1 Điều 134; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Khuru Thị N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Khuru Thị N 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13/6/2024, bị cáo Khuru Thị N kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Khuru Thị N giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Khuru Thị N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, điểm c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ

thẩm xử phạt bị cáo **N** mức án 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo **N** tiếp tục nộp tiền bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm (số tiền là 9.744.976 đồng), đây là tình tiết mới thể hiện bị cáo thật sự ăn năn hối cải. Xét bị cáo **N** bị phạt tù dưới 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng, là có đủ điều kiện để được cân nhắc, xem xét cho hưởng án treo theo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy, trong vụ án này, bị cáo là phụ nữ người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo nhất thời phạm tội, bị cáo có khả năng tự cải tạo, không nhất thiết buộc bị cáo chấp hành án phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận kháng cáo của bị cáo **N**, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo.

- Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo **Khuru Thị N**: Trong vụ án này, bị cáo **N** đang nuôi con nhỏ, nuôi mẹ già, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có hành vi tấn công bị cáo trước, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong, bị cáo rất ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo **N**, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo **Khuru Thị N** lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 13/6/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo **Khuru Thị N** về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Khuru Thị N** như sau: Vào lúc khoảng hơn 18 giờ ngày 18/9/2023, tại sân trước nhà của **Ong Thị Mỹ N1** (sinh năm 2008) ở ấp H, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, **Khuru Thị N** và **Ong Thị Mỹ N1** xảy ra cự cãi với nhau do **N1** hiểu lầm **N** nói **N1** đánh con gái của **N**. Trong lúc cự cãi thì **N1** lấy cái ghế nhựa để đánh **N** nên **N** dùng tay đỡ đồng thời giật cái ghế làm cái

ghế bị rơi xuống đất. Sau đó, N và N1 đánh nhau qua lại nhau bằng tay thì được bà Thạch Thị C (là mẹ ruột của N) đến can ngăn nên N1 và N không đánh nhau nữa, N1 quay người định đi vào nhà thì N nhặt cục xi măng dẹp đường kính 06 cm có phần nhô lên (phần nhô lên 04 cm) rồi ném về phía N1 trúng vào đỉnh phải của N1 làm N1 bị thương tích. Theo kết luận giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể của N1 do thương tích gây nên là 01%. Xét cục xi măng mà N dùng để ném gây thương tích cho N1 là cứng là loại hung khí nguy hiểm và N1 là người dưới 16 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Khuru Thị N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Khuru Thị N: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm và xác định sau khi phạm tội bị cáo Khuru Thị N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc Khmer, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế là có cơ sở. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo N mức án 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo N nộp thêm số tiền 9.744.976 đồng để tiếp tục thực hiện bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm, điều này thể hiện thái độ thật sự ăn năn hối cải của bị cáo. Xét bị cáo N bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, trong vụ án này, phía bị hại là người chủ động có hành vi dùng ghế tấn công bị cáo trước, bị cáo là phụ nữ người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo nhất thời phạm tội. Xét bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo của bản án sơ thẩm, cho bị cáo N hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo N là 01 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Đồng thời, trong thời gian

thử thách nếu bị cáo **N** cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo **N** phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Giao Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền bị cáo **Khuru Thị N** đã nộp là 9.744.976 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000276 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Khuru Thị N**, về việc xin hưởng án treo.

Sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo **Khuru Thị N** của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 31/5/2024 Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm a, điểm c khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Khuru Thị N**.

Xử phạt bị cáo **Khuru Thị N** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 20/8/2024.

Giao bị cáo **Khuru Thị N** cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo **Khuru Thị N** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Khuru Thị N** cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo **Khuru Thị N** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Giao Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý đề đảm bảo thi hành án đối với số tiền bị cáo **Khuru Thị N** đã nộp là 9.744.976 đồng (chín triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn, chín trăm bảy mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000276 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã V (02);
- VKSND thị xã V (01);
- CQĐT-Công an thị xã V (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã V (01);
- Chi cục THADS thị xã V (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ